

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 93

CHƯƠNG III: TRÍ UẨN

Phẩm Thứ Nhất: LUẬN VỀ HỌC CHI

LUẬN VỀ HỌC CHI (Phần 1)

Như Đức Thế Tôn nói: “Hành tích của Học thành tựu tám chi Học.” Sự thành tựu ấy, quá khứ có mấy, vị lai có mấy, hiện tại có mấy? Những phần như vậy và giải thích về nghĩa của từng phần đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải giải thích rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn giải thích về nghĩa trong kinh, như trong kinh nói: “Hành tích của Học thành tựu tám chi Học, A-la-hán không còn phiền não thành tựu mười chi Vô học.” Trong kinh tuy nói ra điều này, mà không nói đến sự thành tựu ấy, quá khứ có mấy, vị lai có mấy, hiện tại có mấy? Kinh là nơi nương tựa căn bản của luận này, điều trong kinh chưa nói thì nay cần phải nói đến.

Lại nữa, vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về chánh tánh ly sinh. Nghĩa là hoặc có người chấp: Quá khứ-vị lai không có tự tánh thật sự, hiện tại tuy có mà là vô vi. Vì ngăn chặn ý đó để biểu hiện rõ ràng thật sự có quá khứ-vị lai, bởi vì có thể thành tựu. Nếu điều ấy không phải là có thì lẽ ra không thành tựu, giống như cái đầu thứ hai, Uẩn thứ sáu... Đã có thể thành tựu cho nên có đúng như thật. Vả lại, vì biểu hiện rõ ràng về pháp của đời hiện tại chắc chắn là hữu vi, bởi vì có sinh diệt.

Hoặc lại có người chấp: Không có tánh thật sự thành tựu và không thành tựu. Như phái Thí Dụ, họ nói hữu tình không lìa các pháp cho nên gọi là thành tựu, lúc lìa các pháp thì gọi là không thành tựu, đều là tạm

mượn để thi thiết. Như năm ngón tay hợp lại thì tạm thời nói là nắm tay,

rời ra thì không phải là nắm tay, ở đây cũng như vậy.

Hỏi: Tại sao pháp ấy dấy lên cái chấp này?

Đáp: Bởi vì pháp ấy dựa vào kinh cho nên dấy lên cái chấp này. Nghĩa là trong kinh nói: “ Có chuyển luân vương thành tựu bảy báu vật”. Nếu tánh thành tựu là thật sự có, thì bởi vì thành tựu vòng xe báu-ngọc thần báu, cho nên tánh của pháp sẽ hủy hoại. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì cũng là hữu tình-cũng không phải là hữu tình. Thành tựu voi báu và ngựa báu, lại cần phải hưởng đến hủy hoại. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì cũng là bàng sinh-cũng là loài người. Thành tựu nữ báu, cho nên thân thể lại cần phải hủy hoại, nguyên cơ thế nào? Bởi vì cũng là thân nam-cũng là thân nữ. Thành tựu quan làm chủ quân đội-làm chủ kho tàng, cho nên nghiệp lại cần phải hủy hoại, nguyên cơ thế nào? Bởi vì vua và quan lẫn lộn. Đừng phát sinh lỗi lầm này, cho nên tánh thành tựu chắc chắn là thật sự có.

Vì ngăn chặn ý đó để hiển bày về tánh thành tựu chắc chắn là thật sự có. Nếu không như vậy thì trái với trong kinh, như nói: “ Hành tích của Học thành tựu tám chi Học, A-la-hán không còn phiền não thành tựu mười chi Vô học”. Lúc Thánh giả hiện khởi tâm hữu lậu, lẽ ra không thành tựu các pháp vô lậu của quá khứ-vị lai, tại sao thành tựu tám chi-mười chi? Lại trái với kinh khác, như nói:” Bồ-đặc-già-la như vậy, thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện.” Nếu lúc pháp thiện ấy hiện rõ ở trước mắt, thì lẽ ra không thành tựu pháp bất thiện; nếu lúc pháp bất thiện hiện rõ ở trước mắt, thì lẽ ra không thành tựu pháp thiện; nếu lúc pháp vô ký hiện rõ ở trước mắt, thì lẽ ra không thành tựu pháp thiện-bất thiện, tại sao nói là thành tựu pháp thiện-bất thiện? Lại trái với kinh khác, như nói: “ Thành tựu bảy pháp thiện thì ở trong pháp hiện có ấy, phần nhiều trú vào hỷ laic-chịu khó tu tập đúng như lý, chắc chắn có năng lực trừ hết phiền não. Bảy pháp thiện ấy là biết pháp-biết nghĩa...” Trong bảy pháp nếu lúc một pháp hiện rõ ở trước mắt, thì sáu pháp thiện còn lại lẽ ra không thành tựu; nếu lúc pháp khác dấy khởi hiện rõ ở trước mắt, thì bảy pháp lẽ ra không thành tựu, tại sao thành tựu bảy pháp thiện? Lại trái với kinh khác, như nói: “Như Lai thành tựu mười Lực.” Nếu dấy khởi một lực hiện rõ ở trước mắt, thì lẽ ra không thành tựu chín Lực; nếu dấy khởi pháp khác hiện rõ ở trước mắt, thì lẽ ra không thành tựu mười Lực, tại sao Như Lai thành tựu mười Lực?

Lại có sai lầm khác, đó là các dị sinh trú vào tâm không nhiễm ô hiện rõ ở trước mắt, phải trở thành Vô học, bởi vì tất cả phiền não của ba cõi không thành tựu; những người Vô học khởi lên tâm hữu lậu hiện

rõ ở trước mắt, phải trở thành dị sinh, bởi vì không thành tựu tất cả pháp Học-Vô học. Đừng phát sinh lỗi lầm này, bởi vì tánh thành tựu quyết định là thật sự có.

Hỏi: Nếu tánh thành tựu là thật sự có, thì kinh mà phái Thí Dụ đã dẫn chứng trước đây nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Luân vương đối với vật báu ấy có lực tự tại tùy ý thọ dụng như thành tựu, cho nên thiết lập tên gọi thành tựu; nếu hoàn toàn bác bỏ không có tánh thành tựu thật sự, thì làm sao đối với vật báu ấy mà thiết lập tên gọi thành tựu? Lại có Sư khác chấp nhận có thành tựu mà bác bỏ không thành tựu, vị ấy đưa ra cách nói này: Các tánh thành tựu có tác dụng cho nên có thể là thật sự có, tánh không thành tựu đã không có tác dụng thì làm sao thật sự có?

Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày về không thành tựu cũng là thật sự có. Nếu không thành tựu không phải là thật sự có, thì lẽ ra cũng không phải là có tánh thành tựu thật sự, bởi vì đối đãi nhau mà thiết lập; như hình ảnh và cảnh vật, sáng và tối, ngày và đêm, lạnh và nóng..., sự vật đối đãi nhau mà thiết lập, thiếu đi một thì không thành, điều này cũng như vậy. Lại nữa, bởi vì tánh không thành tựu và tánh thành tựu trái ngược gần với nhau, cho nên điều là thật sự có; như tham và không tham, sân và không sân, si và không si..., bởi vì trái ngược gần với nhau, cho nên điều là thật sự có. Lại nữa, nếu không thành tựu không phải là tánh thật sự có thì lẽ ra không thi thiết về pháp đoạn phiền não. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì không phải là Thánh đạo sinh khởi đoạn các phiền não, như dao cắt đứt đồ vật, như đá mài vụng hương thơm, nhưng lúc các Thánh đạo hiện rõ ở trước mắt, thì khiến cho các phiền não thành tựu nhất định diệt mất, cũng khiến cho phiền não không thành tựu kia nhất định sinh ra, lúc bấy giờ nói là đoạn các phiền não.

Có người khác lại chấp đạo là vô vi, như Luận giả phân Biệt. Vị ấy đưa ra cách nói này: Chỉ có một Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thường trú bất diệt, tùy theo mỗi vị Phật xuất hiện ở thế gian, người có năng lực chứng được tuy khác mà đạo đã chứng được không có gì sai khác; như một con voi chúa trang nghiêm tuyệt vời, tuy có nhiều người lần lượt cưỡi trên lưng, mà voi chúa ấy trước sau là một.

Hỏi: Tại sao vị ấy dấy lên cái chấp này?

Đáp: Bởi vì vị ấy dựa vào kinh. Như trong kinh nói: “Đức Phật bảo với Tỳ kheo: Ta chứng đạo đã từng có.” Vì vậy biết Thánh đạo hắc chấn là vô vi. Vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày Thánh đạo thuộc về ba đời, cho nên chắc chắn là pháp hữu vi chứ không phải là pháp vô vi,

bởi vì thuộc về ba đời. Vả lại, chấp Thể của Thánh đạo là vô vi, thì trái với kinh, như trong kinh nói: “Có một cư sĩ tên gọi Tỳ-xá-khư, đi đến chỗ Tỳ kheo Ni Pháp Thụ, hỏi rằng: Thánh đạo là hữu vi, hay là vô vi? Tỳ kheo Ni nói: Thánh đạo là hữu vi, bởi vì thuộc về ba đời.”

Hỏi: Nếu Thánh đạo là hữu vi thì kinh mà Luận giả Phân Biệt đã dẫn chứng phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Do năm sự tương tự cho nên nói là đạo đã từng có:

1. Địa tương tự, bởi vì chư Phật đều dựa vào Tính lực thứ tư mà đạt được Bồ-đề.

2. Gia hạnh tương tự, bởi vì chư Phật đều trải qua ba Vô số kiếp tu tập sáu loại Ba-la-mật-đa được viên mãn.

3. Sở duyên tương tự, bởi vì chư Phật đều duyên vào lý của bốn Thánh đế mà chứng Bồ-đề.

4. Hành tướng tương tự, bởi vì chư Phật đều dùng mười sáu hành tướng như Khổ-Vô thường... mà tu Thánh đạo.

5. Sở tác tương tự, bởi vì chư Phật đều dùng lực của đạo vô lậu mà đoạn tất cả phiền não trong thân mình, cũng khiến cho vô lượng vô biên hữu tình được nhập Niết-bàn. Nếu không dựa vào cách này để giải thích về tên gọi của đạo đã từng có mà chấp là vô vi, là nghĩa đã từng có, thì kinh ấy nói thành trì đã từng có-kinh đô đã từng có, lẽ nào thành trì-kinh đô đã từng có là pháp vô vi hay sao? Vả lại, nếu kinh nói chứng Thánh đạo đã từng có liền chấp Thánh đạo là pháp vô vi, thì trong kinh cũng nói rần lột bỏ bộ da đã từng có, lẽ nào bộ da đã từng có của rần là pháp vô vi hay sao? Như bài kệ nói:

*“Nếu đoạn trừ ái không còn sót, giống như hoa sen ở trong nước,
Tỳ kheo rời bỏ dây và kia, như rần lột bỏ bộ da cũ.”*

Như thành trì-kinh đô... đã từng có đều là hữu vi, nói Thánh đạo đã từng có thì lý cũng thuận theo như vậy. Vì ngăn chặn những tông chỉ của người khác đã nói như vậy và vì biểu hiện rõ ràng về chánh lý của các pháp, cho nên soạn ra phần luận này.

Như Đức Thế Tôn nói: “Hành tích của Học thành tựu tám chi Học.” Trong này thế nào là tám chi Học? Đó là Học thành tựu chánh kiến cho đến chánh định.

Hỏi: Ai thành tựu, là pháp thành tựu, hay là Bồ-đặc-già-la thành tựu? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cố thế nào? Bởi vì nếu pháp thành tựu, thì tất cả pháp đã không có tác dụng, ở trong tất cả pháp không có tác dụng, pháp nào chủ động thành tựu, pháp nào thụ động thành tựu? Nếu Bồ-đặc-già-la thành tựu, thì Đế

nghĩa-Thắng nghĩa, Bồ-đặc-già-la đều không thể có được; đã không có Bồ-đặc-già-la chân thật, thì tại sao nói Bồ-đặc-già-la có thể thành tựu pháp?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Không phải là thành tựu pháp, cũng không phải là Bồ-đặc-già-la thành tựu, nhưng có tánh thành tựu và tánh không thành tựu chân thật, mà không có người thành tựu và người không thành tựu chân thật. Như có tạp nhiễm-thanh tịnh-ràng buộc-giải thoát-lưu chuyển-hoàn diệt-nhân quả-tử sinh-các nghiệp dị thực-đạo và đạo quả chân thật, mà không có người tạp nhiễm-thanh tịnh cho đến người tu đạo-chứng đạo quả chân thật. Có người đưa ra cách nói này: Pháp thành tựu.

Hỏi: Nếu như vậy thì pháp không có tác dụng làm sao thành tựu?

Đáp: các pháp tuy không có tác dụng mà có công năng.

Hỏi: Nếu như vậy thì Nhân xứ phải thành tựu mười một xứ, mười một xứ cũng phải thành tựu Nhân xứ?

Đáp: Dựa vào lý này mà nói thì cũng không có gì sai lầm, bởi vì đều có công năng dẫn dắt lẫn nhau.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Có năng lực thành tựu không phải là pháp, cũng không phải là Bồ-đặc-già-la không phải là thật có. Nhưng lúc có bốn Uẩn-năm Uẩn sinh khởi, cùng với chủng loại như vậy đều chuyển đổi các pháp đạt được cho nên gọi là thành tựu, cùng với chủng loại như vậy không phải là pháp đạt được đều chuyển đổi cho nên gọi là không thành tựu.

Hỏi: Nếu như vậy thì kinh nói nên thông hiểu thế nào? Như nói: “Bồ-đặc-già-la như vậy thành tựu pháp thiện và pháp bất thiện.”

Đáp: Đây là Đức Thế Tôn ở trong các uẩn dựa vào thế tục mà nói, chứ không nói thật có Bồ-đặc-già-la thành tựu các pháp.

Hỏi: Trong này thế nào là nghĩa của thành tựu?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Nghĩa về không đoạn là nghĩa của thành tựu.”

Hỏi: Nếu như vậy thì Bồ-đặc-già-la có đủ ràng buộc, đối với tất cả các pháp đều gọi là không đoạn, lẽ ra đều thành tựu?

Đáp: Không phải là đều thành tựu, bởi vì có pháp chưa đạt được. Lại đưa ra cách nói này: Nghĩa về đã đạt được là nghĩa của thành tựu.

Hỏi: Nếu như vậy thì Vô học đã đạt được pháp Học, phải thành tựu pháp ấy?

Đáp: Không phải là thành tựu pháp Học, mà đã rời bỏ pháp Học. Lại đưa ra cách nói này: Nghĩa về không vứt bỏ là nghĩa của thành

tự.

Hỏi: Nếu như vậy thì phần vị Học không vứt bỏ pháp Vô học, phải thành tựu pháp Vô học?

Đáp: Không phải là thành tựu pháp Vô học, mà chưa đạt được pháp Vô học. Lại đưa ra cách nói này: Nghĩa về đã đạt được mà chưa rời bỏ là nghĩa của thành tựu. Lời nói này hợp lý, bởi vì nếu pháp đã đạt được mà chưa rời bỏ thì nhất định thành tựu.

Đại đức nói rằng: Hữu tình thế tục không lìa các pháp, mượn nói là thành tựu, bởi vì tong Thắng nghĩa không có tánh thành tựu.

Hỏi: Vì sao gọi là Học, vì học đều đã học, hay vì đạt được pháp Học? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu Học đều đã học cho nên gọi là Học, thì chương Định Uẩn đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Hữu học không phải là học đều đã học, nghĩa là Hữu học thì an trú tự tánh.” Nếu đạt được pháp Học cho nên gọi là Học, thì trong kinh đã nói phải thông hiểu thế nào? Như nói: “Đức Phật bảo với Thi-phước-ca rằng: Học đều đã học cho nên gọi là Học.”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Học đều đã học cho nên gọi là Học.

Hỏi: Nếu như vậy thì chương Định Uẩn đã nói phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Đó là nói thế tục cùng gọi là Học, nghĩa là đối với sự học thì lúc học hay không học, thế gian cùng gọi sự học ấy là Học, cho nên Luận sư của bản luận này nói đó là Học mà thật ra không phải là Học. Lại nữa, đó là đối với sự học hy vọng không dừng lại, dựa vào tâm mong mỏi ấy cho nên nói là Học. Có người đưa ra cách nói này: Đạt được pháp Học cho nên gọi là Học.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh đã nói phải thông hiểu thế nào?

Đáp: Trong kinh dựa vào tâm mong mỏi không ngừng ấy, không bỏ mất gia hạnh cho nên nói ra như vậy; nghĩa là phần vị Hữu học, tuy có lúc khởi tâm thiện, có lúc khởi tâm bất thiện, có lúc khởi tâm vô ký, mà luôn luôn không rời bỏ tâm hướng đến Niết-bàn và gia hạnh ấy, cho nên tất cả mọi lúc đều gọi là học điều đã học. Nhưng cũng có lúc không học điều đã học, như người lúc đang đi trên đường tạm thời dừng chân nghỉ ngơi, có người hỏi rằng: Muốn đi đến nơi nào? Người ấy đáp rằng: Muốn đi đến phương nọ. Bởi vì không rời bỏ tâm hướng đến, tuy dừng lại mà cũng nói là hướng đến, là hành tích của người Học cho nên gọi là hành tích của Học.

Hỏi: Hành tích của Vô học sáng tỏ-thanh tịnh-thù thắng-tuyệt diệu hơn hẳn Hữu học, tại sao chỉ nói đến hành tích của Học?

Đáp: Cũng nên nói là có hành tích của Vô học mà không nói đến điều ấy, là có cách nói khác. Lại nữa, đã nói đến bắt đầu thì đã nói đến kết thúc, cho nên đã nói đến hành tích của Học thì cũng nói đến hành tích của Vô học. Lại nữa, muốn hiển bày mỗi phần vị có sự thù thắng riêng biệt, nghĩa là phần vị Hữu học có hành tích thù thắng, trong phần vị Vô học có giải thoát thù thắng; như vua và quan đều có sự hơn hẳn của mình, đó là vua thì tôn quý uy quyền thu phục thù thắng, quan đối với sự nghiệp thì dũng cảm chiến đấu thù thắng. Lại nữa, hành tích của Hữu học có năng lực đoạn phiền não, đánh bại giặc thù phiền não, Vô học thì không như vậy. Lại nữa, hành tích của Hữu học là đoạn phiền não, chịu khó tu gia hạnh, Vô học thì không như vậy. Lại nữa, nghĩa thường xuyên thực hành là nghĩa của hành tích, Hữu học thường xuyên thực hành, Vô học thì không như vậy. Vì thế cho nên không nói đến hành tích của Vô học.

Hỏi: Học thành tựu thì quá khứ có mấy, vị lai có mấy, hiện tại có mấy?

Đáp: Nếu dựa vào Định có Tâm-có Tứ, bắt đầu thấy Học hiện rõ trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai và hiện có tám. Trong này, Định có Tâm-có Tứ, đó là Vị chí Định và Tĩnh lực thứ nhất. Dựa vào thì có người nói: Cùng sinh khởi là dựa vào. Lại có người nói: Đẳng vô gián duyên là nghĩa của dựa vào ở đây.

Lời bình: Nên đưa ra cách nói này: Ngay nơi hai địa ấy nói chung là dựa vào. Bắt đầu có bốn loại:

1. Bắt đầu tiến vào Chánh tánh ly sinh, nghĩa là dựa vào địa ấy bắt đầu tiến vào Chánh tánh ly sinh.

2. Bắt đầu đạt được quả, nghĩa là dựa vào địa ấy bắt đầu đạt được quả Học.

3. Bắt đầu chuyển căn, nghĩa là dựa vào địa ấy mà Tín thắng giải bắt đầu luyện căn làm Kiến chí.

4. Bắt đầu lìa nhiễm, nghĩa là đạo thế tục lìa các nhiễm rồi, bắt đầu dựa vào địa ấy khởi lên đạo vô lậu hiện rõ ở trước mắt.

Trong này, tổng quát dựa vào bốn loại Bắt đầu để soạn ra luận, mà trải qua các phần vị thì có đủ và không đủ, tùy theo sự thích hợp nên suy xét kỹ càng rồi chọn lựa.

Thấy Học hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Người Học cũng có lúc thấy Phi học phi vô học hiện rõ ở

trước mắt, lúc ấy cũng là thấy Học, là bởi vì những người Học đã khởi lên cái thấy, tại sao trong này không nói đến người Học thấy Học hiện rõ ở trước mắt?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết trong này là có cách nói khác. Lại nữa, trong này thấy Học tức là nói đến thấy Học, chứ không phải là thấy người Học, cho nên không cần phải hỏi vặn.

Quá khứ không có, nghĩa là nói như trước, các sát-na đầu tiên hiện rõ ở trước mắt thì hoàn toàn không có quá khứ, bởi vì chưa có một niệm nào đã sinh-diệt, giả sử đã sinh-diệt mà đạt được quả-chuyển căn, hoặc là lui sụt rời bỏ. Vị lai có tám, nghĩa là ngay lúc ban đầu tu nay đủ tám chi Học của vị lai. Hiện tại có tám, bởi vì lúc bấy giờ tám chi hiện rõ ở trước mắt.

Tám chi Học diệt rồi không mất, nếu lại dựa vào Định có Tâm-có Tứ thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai-hiện tại đều có tám. Trong này, Học (bỉ) đó là tám chi Học. Diệt rồi, nghĩa là Vô thường. Diệt rồi không mất, nghĩa là do ba nhân duyên mà đi đạo vô lậu:

1. Bởi vì đạt được quả.
2. Bởi vì chuyển căn.
3. Bởi vì lui sụt rời bỏ.

Không có ba duyên này cho nên nói là không mất. Nếu lại dựa vào..., nghĩa là Học từ sát-na thứ hai trở đi, lại dựa vào Định có Tâm-có Tứ thấy Học hiện rõ ở trước mắt.

Hỏi: Tại sao khởi lên thấy Học của địa này?

Đáp: Bởi vì ý niệm báo ân, nghĩa là dựa vào địa này mà phá tan giặc thù phiền não, nghĩ đến báo đền ân ấy cho nên lại tiếp tục khởi lên; như nhờ vào áo giáp và binh khí mà dẹp tan giặc thù rồi, lại thường xuyên sửa sang tu bổ-quý trọng cất giữ can thận. Lại nữa, do bốn duyên cho nên lại tiếp tục khởi lên thấy Học của địa ấy:

1. Vì trú trong pháp lực hiện tại.
2. Vì đạo chơi trong công đức.
3. Vì quán xét những việc làm vốn có.
4. Vì thọ dụng tài sản bậc Thánh.

Quá khứ có tám, nghĩa là từ sát-na thứ hai về sau là thành tựu quá khứ, sa-na thứ nhất thì đã khởi diệt. Vị lai và hiện tại đều có tám, như trước đã nói nên biết.

Học diệt rồi không mất, nếu dựa vào Định không có Tâm-không có Tứ thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại có bảy. Trong này, Định không có Tâm-không có Tứ, đó là Tĩnh lực thứ

hai-thứ ba-thứ tư.

Hỏi: Vì sao không nói đến Tĩnh lự trung gian?

Đáp: Nên nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, Tĩnh lự trung gian và ba địa sau thì Chi không có tăng giảm, cho nên không nói đến.

Quá khứ-vị lai đều có tám, như trước đã nói nên biết. Hiện tại có bảy, là trừ ra Chánh tư duy, bởi vì nó không có Tầm.

Học diệt rồi không mất, nếu dựa vào Định Vô sắc thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại có bốn. Trong này, Định Vô sắc đó là ba Định Vô sắc trước.

Hỏi: Vì sao không nói đến Định Vô sắc thứ tư?

Đáp: Bởi vì địa ấy không có Thánh đạo, cho nên về sau sẽ nói đến khởi tâm thế tục.

Quá khứ-vị lai đều có tám, như trước đã nói nên biết. Hiện tại có bốn, là trừ ra Chánh tư duy-Chánh ngữ-Chánh nghiệp-Chánh mạng, bởi vì địa ấy không có.

Học diệt rồi không mất, nếu tiến vào Diệt định-hoặc là tâm thế tục hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ-vị lai có tám, hiện tại không có. Trong này, tiến vào Diệt định, nghĩa là đang trú trong Định Diệt thọ tưởng. Tâm thế tục, đó là tâm định hữu lậu ra khỏi Diệt định, hoặc là tâm tiếp tục khởi lên định hữu lậu khác. Quá khứ-vị lai đều có tám, nghĩa là lúc ban đầu trước đây đã khởi lên tám chi của Định có Tầm-có Tứ, và tu của vị lai. Hiện tại không có, bởi vì lúc đang Diệt định thì không có Thánh đạo, bởi vì tâm thế tục thì không khởi lên tám chi của đạo vô lậu.

Nếu dựa vào Định không có Tầm-không có Tứ, bắt đầu thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có tám, hiện tại có bảy. Trong này, nghĩa về dựa vào như trước đã nói nên biết. Định không có Tầm-không có Tứ tức là ba Tĩnh lự sau. Bắt đầu thì có đủ bốn loại nói rộng ra như trước. Giải thích về nghĩa thấy Học, cũng như trước đã nói. Quá khứ không có, bởi vì sát-na thứ nhất thì chưa có một niệm nào đã sinh diệt, giả sử đã sinh diệt mà vì ba duyên cho nên rời bỏ. Vị lai có tám, đó là ngay lúc ban đầu tu đầy đủ tám chi Học của vị lai. Hiện tại có bảy, bởi vì địa ấy không có Chánh tư duy.

Học diệt rồi không mất, nếu lại dựa vào Định không có Tầm-không có Tứ, thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có bảy, vị lai có tám. Trong này, Học diệt rồi không mất... giải thích như trước. Quá khứ có bảy, nghĩa là từ sát-na thứ hai về sau là thành tựu quá khứ,

sát-na thứ nhất thì đã khởi diệt là bảy.

Học diệt rồi không mất, nếu dựa vào Định Vô sắc, thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại có bốn. Trong này, quá khứ có bảy, nghĩa là sát-na thứ nhất đã khởi diệt, còn lại như trước đã giải thích.

Học diệt rồi không mất, nếu tiến vào Diệt định-hoặc là tâm thế tục hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ có bảy, vị lai có tám, hiện tại không có. Trong này, tất cả như trước đã nói nên biết.

Học diệt rồi không mất, nếu dựa vào Định có Tâm-có Tứ, thấy Học hiện rõ ở trước mắt thì quá khứ có bảy, vị lai-hiện tại có tám. Trong này, quá khứ có bảy, vị lai-hiện tại có tám. Trong này, quá khứ có bảy, nghĩa là lúc ba đầu trước đây đã khởi lên bảy chi của Định không có Tầm-không có Tứ. Vị lai có tám, tức là phần vị ban đầu đã tu vị lai. Từ tiến vào Diệt định-tâm thế tục về sau sẽ nói; khởi lên Định có Tâm-có Tứ, về sau sẽ phân biệt.

Nếu dựa vào Định Vô sắc, bắt đầu thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ không có, vị lai có tám, hiện tại có bốn. Trong này, Định vô sắc nghĩa là ba Định Vô sắc trước. Bắt đầu thì chỉ dựa vào lìa nhiễm mà soạn luận, bởi vì đạo thế tục lìa các nhiễm rồi bắt đầu khởi lên vô lậu; ba Định Vô sắc hiện rõ ở trước mắt, cho nên không có nghĩa dựa vào Vô sắc mà tiến vào Kiến đạo; không có bắt đầu tiến vào Chánh tánh ly sinh ở loại thứ nhất, không có nghĩa dựa vào Vô sắc mà đạt được quả của Học, cũng không có nghĩa dựa vào Vô sắc mà phần vị Học, luyện căn, cho nên không có bắt đầu đạt được quả và bắt đầu chuyển căn. Phần còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Định vô sắc hữu lậu cần phải dựa vào Tĩnh lực vô lậu làm gia hạnh phát khởi, Định Vô sắc vô lậu cũng nhất định phải dựa vào Tĩnh lực vô lậu làm gia hạnh phát khởi, tại sao trong này nói dựa vào Định Vô sắc bắt đầu thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ không thành tựu tám chi?

Đáp: Chi đạo vô lậu có chi thuộc về Tĩnh lực, có chi thuộc về Vô sắc; thuộc về Tĩnh lực thì tùy quá khứ thành tựu, mà thuộc về Vô sắc thì quá khứ không thành tựu, cho nên nói quá khứ không có tám chi.

Có người đưa ra cách nói này: Có lúc dựa vào đạo thế tục đạt được quả Bất hoàn rồi, không phát khởi đạo vô lậu, lại cùng đạo thế tục lìa nhiễm của bốn Tĩnh lực, hoặc lại lìa nhiễm của ba Vô sắc rồi, lúc bắt đầu khởi lên Định Vô sắc vô lậu, lúc ấy quá khứ không có tám chi Thánh đạo, cho nên đưa ra cách nói này: Quá khứ hoàn toàn không có.

Học diệt rồi không mất, nếu lại dựa vào Định Vô sắc, thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ-hiện tại có bốn, vị lai có tám, quá khứ có bốn, nghĩa là trước nay đã phát khởi bốn chi trong niệm thou nhất. Vị lai có tám, nghĩa là trước nay đã tu tám chi của vị lai. Phần còn lại giải thích như trước.

Học diệt rồi không mất, nếu tiến vào Diệt định, hoặc là tâm thế tục hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ có bốn, vị lai có tám, hiện tại không có. Trong này, tất cả như trước đã nói nên biết.

Học diệt rồi không mất, nếu dựa vào Định có Tâm-có Tứ, thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ có bốn, vị lai-hiện tại có tám. Trong này, quá khứ có bốn, đó là Định Vô sắc bắt đầu khởi lên bốn chi. Vị lai có tám, tức là lúc ấy tu tám chi của vị lai.

Hỏi: Định Vô sắc không gián đoạn chắc chắn không thể nào dạy khởi định có Tâm-có Tứ, tại sao trong này đưa ra cách nói như vậy?

Đáp: Nên biết trong này là nói theo thứ tự, chứ không phải là Định theo thứ tự; dựa vào cách nói tùy thuận mà nói, chứ không dựa vào Định tùy thuận mà nói.

Học diệt rồi không mất, nếu dựa vào Định không có Tâm-không có Tứ, thấy Học hiện rõ ở trước mắt, thì quá khứ có bốn, vị lai có tám, hiện tại có bảy. Trong này, quá khứ có bốn, nghĩa là trước tiên dựa vào Định Vô sắc, lúc ban đầu đã dạy khởi bốn vị. Vị lai có tám, tức là do Học mà tu tám chi của vị lai.

Hỏi: Tiếp theo trước đã khởi lên tám chi của Định có Tâm-có Tứ, tiến vào quá khứ đều thuận theo không mất, tại sao chỉ nói quá khứ có bốn?

Đáp: Trong này đã nói quá khứ-vị lai đều là hiển bày về lúc ban đầu dạy khởi và tu, chứ không hiển bày về phần vị sau đã dạy khởi-đã tu, cho nên không có mất đi; hiện tại tùy theo lúc hiện rõ ở trước mắt, cho nên tùy theo dạy khởi mà nói.

Hỏi: Nay ở trong này nói đến người Học nào?

Đáp: Nếu những người học đối với tất cả các Định theo thứ tự mà tiến vào tất cả, như có người theo thứ tự bước lên bậc thang thì ở nay nói đến. Nghĩa là có người học trước hết tiến vào Định không có Tâm-không có Tứ, tiếp theo tiến vào Định Vô sắc, tiếp theo tiến vào Diệt định, sau cùng khởi tâm thế tục; người học như vậy thì ở nay nói đến. Nếu có người học trước hết tiến vào Định có Tâm-có Tứ, tiếp theo tiến vào Định không có Tâm-không có Tứ, tiếp theo Định Vô sắc, tiếp theo tiến vào Diệt định, sau cùng khởi tâm vô lậu; những người học này

không phải ở đây nói đến.

Như trong chương Tạp Uẩn nói: “Nếu có một Bồ-đặc-già-la, đầy đủ mười hai chi của pháp khởi thì ở đây nói đến; nếu không đầy đủ thì không phải là ở đây nói đến.”

Như trong kinh nói: “Trước hết thấy người nữ hình dáng và mặt mày đoan nghiêm mọi người đều thích nhìn, tiếp theo thấy già yếu, tiếp theo thấy bệnh tật, tiếp theo thấy mạng chung, tiếp theo thấy các giai đoạn biến hoại sau khi chết.”

Người nữ như vậy thì trong kinh nói đến, nếu không như vậy thì không phải là kinh đã nói đến. Người học trong này nên biết cũng như vậy.

Lời bình: nên đưa ra cách nói này: Trong này nói chung về tất cả những người học, tùy theo những người học, ở trong các phần vị đã phát khởi chi Học đều thấu nhiếp tất cả.

Nên biết rằng hành tích có bốn loại sai biệt:

1. Thông hạnh chậm về Khổ.
2. Thông hạnh nhanh về Khổ.
3. Thông hạnh chậm về Lạc.
4. Thông hạnh nhanh về Lạc.

Nhưng các hành tích nên nói là một loại, đó là hướng đến hành diệt Khổ. Hướng đến hành diệt sinh lão bệnh tử và quả báo thế gian, hoặc phải nói là hai, đó là hướng đến hành diệt Danh và hướng đến hành diệt Sắc; hoặc phải nói là ba, đó là hướng đến hành diệt ba cõi; hoặc phải nói là năm, đó là hướng đến hành diệt năm Uẩn; hoặc phải nói là mười hai, đó là hướng đến hành diệt mười hai chi duyên khởi; hoặc phải nói là vô lượng, đó là bởi vì sa-na nối tiếp nhau sai biệt vô cùng vô tận.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn mở rộng về một-hai-ba, tóm lược mười hai..., mà thiết lập bốn Thông hạnh như vậy?

Đáp: Bởi vì ba quan hệ (Sự):

1. Bởi vì địa.
2. Bởi vì căn.
3. Bởi vì Bồ-đặc già-la.

Đây là nói chung, nếu nói riêng biệt thì chỉ vì hai quan hệ, đó là vì địa-vì căn, hoặc là vì địa-vì Bồ-đặc già-la.

Vì địa-vì căn, đó là Vị chí Định, Tĩnh lự trung gian, ba Vô sắc Định. Những người căn tánh chậm chạp trong các địa này, đối với tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh chậm về Khổ; những người căn tánh

nhanh nhạy ngay nơi các địa này, tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh nhanh về Khổ; những căn tánh chậm chạp trong bốn Tĩnh lự căn bản, tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh chậm chạp về Lạc; những người căn tánh nhanh nhạy ngay nơi các địa này, tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh nhanh về Lạc.

Vì địa-vì Bồ-đặc-già-la, đó là Vị chí Định, Tĩnh lự trung gian, ba Vô sắc định. Người tùy tính hành-Tín thắng giải-Thời giải thoát trong các địa này, đối với tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh chậm về khổ; người Tùy pháp hành-Kiến chí-Bất thời giải thoát ngay nơi các địa này, tất cả Thánh đạo gọi Thông hạnh nhanh về Khổ; người tùy Tín hành-Tín thắng giải-Thời giải thoát trong bốn Tĩnh lự căn bản, tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh chậm về Lạc; người Tùy pháp hành-Kiến chí-Bất thời giải thoát ngay nơi các địa này, tất cả Thánh đạo gọi là Thông hạnh nhanh về Lạc.

Hỏi: Tự tánh của bốn Thông hạnh này là gì?

Đáp: Lấy năm Uẩn-bốn Uẩn làm tự tánh, nghĩa là ở Tĩnh lự và Cận phần thì lấy năm Uẩn làm tự tánh, ở Vô sắc thì lấy bốn Uẩn làm tự tánh. Như vậy gọi là tự tánh của Thông hạnh, tự Thể của ngã-vật, bốn tánh của tướng phần. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ thể nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Thông hạnh, Thông hạnh là nghĩa gì?

Đáp: Thông gọi là thông đạt, Hạnh gọi là hành tích. Có năng lực đích thực thông đạt hưởng đến Niết-bàn, là nghĩa của Thông hạnh.

Thông hạnh chậm về Khổ.

Hỏi: Thánh đạo không phải là tự tánh của Khổ thọ, cũng không phải là tương ứng với Khổ thọ, tại sao gọi là Khổ?

Đáp: Cận phần Vô sắc khó thành tựu, cho nên Thánh đạo đã phát khởi gọi là Khổ; Tĩnh lự căn bản dễ thành tựu, cho nên Thánh đạo đã phát khởi gọi là Lạc. Ở đây phân biệt rộng ra như trong bốn Tĩnh lự ở chương Kiết Uẩn trước đây.

Hỏi: Vì sao Thánh đạo gọi là chậm?

Đáp: Bởi vì Thánh đạo do người căn tánh chậm chạp mà day khởi, không có năng lực nhanh chóng hưởng đến Niết-bàn cứu cánh, cho nên gọi là chậm; Thánh đạo do những người căn tánh nhanh nhạy mà day khởi, nhanh chóng hưởng đến Niết-bàn, cho nên gọi là nhanh.

Hỏi: Có lúc Tín thắng giải nhanh chóng đến Niết-bàn hơn so với Kiến chí, như Tín thắng giải tinh tiến chịu khó tu hành nhanh chóng chứng Niết-bàn, Kiến chí uể oải lơi long không thể nhanh chóng chứng được. Như có bài tụng nói:

“Người không phóng túng-người phóng túng, người thức nhiều và người ngủ nhiều,

Như cưỡi ngựa nhanh nhẹn-chậm chạp, hành giả chịu khó đến nơi trước.”

Như có hai người cùng đi đến một phía, một người cưỡi con ngựa nhanh nhẹn, một người cưỡi con ngựa chậm chạp, người cưỡi con ngựa nhanh nhẹn không chịu khó đi cho nên không thể nào nhanh chóng đến nơi, người cưỡi con ngựa chậm chạp vì chịu khó đi cho nên vẫn có thể nhanh chóng đến nơi. Như vậy, Kiến chí và Tín thắng giải cùng hưởng đến Niết-bàn, nếu Tín thắng giải tinh tiến chịu khó tu hành nhanh chóng chứng Niết-bàn, Kiến chí uể oải lơ lửng không thể nào nhanh chóng chứng được, tại sao lại nói Thánh đạo do người căn tánh chậm chạp đã day khởi, không có năng lực nhanh chóng hưởng đến cho nên gọi là chậm?

Đáp: Trong này ý nói người chịu khó thực hành như nhau, nếu chịu khó thực hành như nhau thì Kiến chí nhanh chóng chứng được, chứ không phải là Tín thắng giải, cho nên nói là chậm.

Hỏi: Bốn loại hành này lấy năm Uẩn-bốn Uẩn làm tự tánh, vì sao gọi là Thông? Bởi vì Thông chỉ hiển bày về Tuệ chứ không phải là Uẩn khác.

Đáp: Bởi vì Tuệ tăng lên cho nên chỉ nói là Thông, như trong Kiến đạo tuy có đủ năm Uẩn, mà bởi vì Tuệ tăng lên cho nên chỉ thiết lập tên gọi của Kiến; như các trí thế tục Hiện quán biên, tuy dùng bốn Uẩn-năm Uẩn làm tánh, mà Tuệ tăng lên cho nên chỉ thiết lập tên gọi của Trí; Định Kim cang dụ tuy dùng bốn Uẩn-năm Uẩn làm tánh, mà Đăng trì tăng lên cho nên chỉ thiết lập tên gọi của Định; Thông hạnh cũng như vậy, cho nên không cần phải vặn hỏi.

Như trong kinh nói: “Thế nào là Thông hạnh chậm về Khổ? Đó là các Tỳ kheo chê trách chán ghét đối với năm Thủ uẩn.”

Hỏi: Thông hạnh chậm về Khổ duyên vào cảnh của bốn Đế, vì sao Đức Thế Tôn chỉ nói là duyên với Khổ?

Đáp: Cũng phải nói Thông hạnh này duyên với ba Đế còn lại, mà không nói đến là có cách nói khác. Lại nữa, Khổ đế ở đầu tiên, đã nói duyên với Khổ, thì nên biết là cũng nói duyên với ba Đế còn lại. Lại nữa, trong kinh ấy chỉ hiển bày về gia hạnh chứ không hiển bày về căn bản, nghĩa là lúc gia hạnh thì duyên với năm Thủ uẩn mà day khởi hành tướng chán ngán, đến căn bản thì duyên với bốn Thánh đế.

Trong luận Tập Dị Môn đưa ra cách nói như vậy: “Thế nào là

Thông hạnh chậm về Khổ? Đó là Tĩnh lực vốn không thâm nhiếp năm căn chậm chạp như Tín... thế nào là Thông hạnh nhanh về Khổ? Đó là Tĩnh lực vốn không thâm nhiếp năm căn nhanh nhạy như Tín... thế nào là Thông hạnh chậm về Lạc? Đó là Tĩnh lực đã thâm nhiếp năm căn chậm chạp như Tín... Thế nào là Thông hạnh nhanh về Lạc? Đó là Tĩnh lực đã thâm nhiếp năm căn nhanh nhạy như Tín...”

Hỏi: Bốn Thông hạnh này lấy năm Uẩn-bốn Uẩn làm tự tánh; tại sao luận ấy chỉ nói năm căn nhanh nhạy-chậm chạp như Tín...?

Đáp: Bởi vì dựa vào thế mạnh mà nói, nghĩa là ở trong năm Uẩn-bốn Uẩn hiện hành thì năm căn là mạnh nhất. Lại nữa, năm căn như Tín... phương tiện thiện xảo đối với việc đã làm, có năng lực nhanh chóng thành tựu hơn hẳn Uẩn khác, cho nên chỉ nói đến năm căn.

Hỏi: Các loài hữu tình có căn tánh trung bình hay không? Nếu có thì luận ấy vì sao không nói đến? Nếu không có thì trong kinh nói nên thông hiểu thế nào? Như trong kinh nói: “Có các hữu tình ở thế gian-sinh ở thế gian, lớn lên có người căn tánh nhanh nhạy, có người căn tánh trung bình, có người căn tánh chậm chạp...”

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Không có căn tánh trung bình. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Kiến đạo có hai loại:

1. Tùy tín hành đạo.
2. Tùy pháp hành đạo.

Tu đạo cũng có hai loại:

1. Đạo của Tín thắng giải.
2. Đạo của Kiến chí.

Đạo vô học cũng có hai loại:

1. Đạo của Thời giải thoát.
2. Đạo của Bất thời giải thoát.

Vì không có đạo thứ ba, cho nên không có căn tánh trung bình.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Người được Đức Phật hoá độ, có người thấy Đế trước, có người thấy Đế giữa, có người thấy Đế sau; người thấy Đế trước thì nói là căn tánh nhanh nhạy, người thấy Đế giữa thì nói là căn tánh trung bình, người thấy Đế sau thì nói là căn tánh chậm chạp. Lại nữa, người được Đức Phật hoá độ, có người thấy Đế gần, có người thấy Đế xa, có người thấy Đế không gần không xa; người thấy Đế gần thì gọi là căn tánh nhanh nhạy, như A-nhã-đa-kiều-trần-na..., người thấy Đế xa thì gọi là căn tánh chậm chạp, như Thiện Hiền..., người thấy Đế không gần không xa thì gọi là căn tánh trung bình, như Hộ Quốc... Lại có người nói:

Cũng có căn tánh trung bình.

Hỏi: Nếu như vậy thì luận ấy vì sao không nói đến?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết là nghĩa này có khác. Lại nữa, căn tánh trung bình tức là thâm nhiếp ở giữa nhanh nhạy và chậm chạp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì lúc nói đến căn tánh chậm chạp thì căn tánh trung bình gọi là nhanh nhạy hơn căn tánh chậm chạp, lúc nói đến căn tánh nhanh nhạy thì căn tánh trung bình gọi là chậm chạp hơn hẳn căn tánh nhanh nhạy. Vì vậy, Tôn giả Thế Hữu nói rằng: “Căn tánh trung bình nên nói là do căn tánh nhanh nhạy thâm nhiếp, bởi vì hơn hẳn căn tánh chậm chạp; căn tánh này còn có thể nói là do căn tánh chậm chạp thâm nhiếp, bởi vì kém hơn căn tánh nhanh nhạy.”

Đại đức nói rằng: “Căn tánh trung bình có thể nói là do căn tánh nhanh nhạy-chậm chạp thâm nhiếp, mà không có thể nói là do căn tánh bậc Thượng-bậc Học thâm nhiếp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì căn tánh nhanh nhạy-chậm chạp đều có ba phẩm. Vì sao biết như vậy? Bởi vì Đại giác-Độc giác và Xá-lợi-tử..., đều thâm nhiếp trong chủng tánh Tùy pháp hành. Ba loại căn tánh này lẽ nào có thể tương tự hay sao? Trong căn tánh nhanh nhạy đã có ba phẩm, cho nên biết căn tánh chậm chạp cũng phải có ba phẩm. Hai đạo của căn tánh nhanh nhạy và chậm chạp đều có ba phẩm; bởi vì đạo thứ ba không thể nào có được, cho nên A-tỳ-đạt-ma nói không có căn tánh trung bình. Như vậy dễ dàng thông hiểu hai cách nói trong kinh và luận.”

Trong luận Tập Dị Môn lại đưa ra cách nói này: “Thông hạnh chậm về Khổ, hoặc là tập-hoặc là tu-hoặc là nhiều việc đã làm, có thể đầy đủ Thông hạnh nhanh về Khổ; Thông hạnh chậm chạp về Lạc, hoặc là tập-hoặc là tu-hoặc là nhiều việc đã làm, có thể đầy đủ Thông hạnh nhanh về Lạc.”

Hỏi: Nói đầy đủ điều gì, là đầy đủ đối với căn, hay là đầy đủ lìa nhiễm? Nếu đầy đủ đối với căn, thì Thông hạnh chậm về Khổ, hoặc là tập-hoặc là tu-hoặc là nhiều việc đã làm, lý ra nên có năng lực đầy đủ cả hai Thông hạnh về nhanh; Thông hạnh chậm về Lạc, hoặc là tập-hoặc là tu-hoặc là nhiều việc đã làm, cũng phải có năng lực đầy đủ cả hai Thông hạnh về nhanh. Nếu đầy đủ lìa nhiễm, thì chậm cần phải đầy đủ chậm, nhanh cần phải đầy đủ nhanh, tại sao luận ấy đưa ra cách nói này?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Luận ấy nói đầy đủ về căn, và nói tương tự chứ không phải là không tương tự, bởi vì Khổ tương tự chứ không phải là Lạc, Lạc và Lạc tương tự chứ không phải là Khổ.

Hỏi: Ai thành tựu mấy loại Thông hạnh?

Đáp: Hoặc là người thành tựu một loại, đó là người chưa lìa nhiễm cõi Dục; hoặc là có người thành tựu hai loại, đó là người đã lìa nhiễm cõi Dục.

Tôn giả Tăng-già-phiệt-tô nói rằng: “Có người thành tựu đầy đủ bốn Thông hạnh, đó là người dựa vào Tĩnh lực căn bản mà luyện căn, lúc trú trong đạo vô gián, chưa rời bỏ hai Thông hạnh về nhanh.”

Lời bình: Vị ấy không nên đưa ra cách nói này, nếu đưa ra cách nói này thì phải là hoại căn và hoại Bồ-đặc-già-la. Hoại căn thì lúc bấy giờ phải là căn chậm chạp cũng là căn nhanh nhạy. Hoại Bồ-đặc-già-la thì lúc bấy giờ lẽ ra cũng là những Tín thắng giải-cũng là những Kiến chí. Đừng có sai lầm này, vì vậy cách nói trước đối với lý là thích hợp. Có thành tựu một-hai, không có thành tựu ba-bốn, bởi vì không có một người mà thành tựu hai căn nhanh nhạy và chậm chạp.

Hỏi: Ai sử dụng mấy loại Thông hạnh để làm những việc cần làm?

Đáp: Có lúc chỉ sử dụng một loại, hoặc có lúc sử dụng hai loại, hoặc có lúc sử dụng ba loại, có lúc sử dụng đầy đủ bốn loại mà không cùng một lúc.

Có lúc sử dụng một loại, đó là hoặc chỉ sử dụng Thông hạnh chậm về Khổ mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định, Tĩnh lực trung gian, ba Vô sắc Định, tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả lìa nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại chỉ sử dụng Thông hạnh nhanh về Khổ mà làm những việc cần làm, như người căn tánh nhanh nhạy dựa vào Vị chí Định, Tĩnh lực trung gian, ba Vô sắc Định, tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả lìa nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại chỉ sử dụng Thông hạnh chậm về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp lìa nhiễm cõi Dục rồi, dựa vào bốn Tĩnh lực căn bản, tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả lìa nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại chỉ sử dụng Thông hạnh nhanh về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh nhanh nhạy lìa nhiễm cõi Dục rồi, dựa vào bốn Tĩnh lực căn bản, tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả lìa nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn.

Có lúc sử dụng hai loại, đó là hoặc có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Khổ và Thông hạnh chậm về Lạc mà làm những việc cần làm,

như người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Khổ và Thông hạnh nhanh về Khổ mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp chỉ dựa vào Vị chí Định..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-luyện căn-lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Lạc và Thông hạnh nhanh về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp dựa vào Tĩnh lực thứ nhất... và dựa vào Vị chí Định..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-luyện căn-lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh nhanh về Khổ và Thông hạnh nhanh về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp chỉ dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-luyện căn-lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh nhanh về Lạc và Thông hạnh nhanh về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh nhanh nhạy dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn.

Có lúc sử dụng ba loại, đó là hoặc có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Khổ-chậm về Lạc và Thông hạnh nhanh về Khổ mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả - luyện căn - lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Khổ-nhanh về Khổ và Thông hạnh nhanh về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-luyện căn-lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Lạc-nhanh về Lạc mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-luyện căn-lia nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn. Hoặc lại có lúc sử dụng Thông hạnh chậm về Lạc-nhanh về Lạc và Thông hạnh nhanh về Khổ mà làm những việc cần làm, như người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lực thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để

tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả luyện căn-lìa nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn.

Có lúc sử dụng bốn loại, đó là người căn tánh chậm chạp dựa vào Vị chí Định... và dựa vào Tĩnh lự thứ nhất..., tùy theo sự thích hợp để tiến vào Chánh tánh ly sinh, đạt được quả-luyện căn-lìa nhiễm, tu công đức khác mà nhập Niết-bàn.

